

Bản án số: 41/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 29-10-2018.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn,  
nuôi con khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Trúc Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Văn Tạo.

2. Bà Võ Ngọc Các.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hên Thị Hồng Xinh, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thúy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 210/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 224/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị Hồng X**, sinh năm 1984 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng

- Bị đơn: **Ông Nguyễn Minh V**, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: đường T, khóm A, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 30/8/2018, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng X trình bày:*

Bà X và ông V kết hôn vào năm 2004, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/11/2004. Hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống không hạnh phúc thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông V nhiều lần uống rượu say về đánh đập bà X, mâu thuẫn

ngày càng trầm trọng nên không thể hàn gắn. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay.

Bà X nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà X yêu cầu được ly hôn với ông V.

Trong thời gian chung sống ông, bà có 02 con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 26/8/2005 và Nguyễn Thị Quỳnh Nh, sinh ngày 15/12/2007. Hiện cháu N và cháu Nh đang sinh sống tại số 762/4/3, đường Tôn Đức Thắng, khóm 3, phường 5, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Hồng X đồng ý giao **cháu** Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 26/8/2005 và Nguyễn Thị Quỳnh Nh, sinh ngày 15/12/2007 cho ông Nguyễn Minh V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi và bà Nguyễn Thị Hồng X không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị Hồng X yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà X yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Minh V.

- Về con chung: Bà X đồng ý giao **cháu** Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 26/8/2005 và Nguyễn Thị Quỳnh Nh, sinh ngày 15/12/2007 cho ông Nguyễn Minh V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi và bà Nguyễn Thị Hồng X không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại tờ tường trình của bị đơn ông Nguyễn Minh V ngày 31/8/2018 trình bày:*

Ông V thống nhất với lời trình bày về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng. Ông V đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà X vì hiện nay tình cảm vợ chồng không còn. Ông V và bà X có 02 con chung là **cháu** Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 26/8/2005 và Nguyễn Thị Quỳnh Nh, sinh ngày 15/12/2007, hiện các cháu do ông V trực tiếp nuôi dưỡng nên sau khi ly hôn, ông V có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà X cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra ông V không còn yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 68, 70, 71, 234 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Do giữa bà Nguyễn Thị Hồng X và ông Nguyễn Minh V sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, về con chung: bà X đồng ý giao con chung cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng và bà X không cấp dưỡng nuôi con, ông V đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà X cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Bị đơn ông Nguyễn Minh V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng trình tự thủ tục tố tụng nhưng ông vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông V.

#### **[2] Về hôn nhân:**

Bà X và ông V là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, do đó việc ông bà tiến đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân phường 5 thành phố Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn là hoàn toàn đúng pháp luật cho nên được pháp luật công nhận đây là hôn nhân hợp pháp và cần giải quyết hậu quả phát sinh từ cuộc hôn nhân này.

Đối với hôn nhân của bà X và ông V, trong thời gian chung sống ông bà thường hay phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông V không quan tâm chăm sóc vợ con, bất hòa trong cách sống hàng ngày. Do đó ông bà đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay, hiện tình cảm vợ chồng không còn, ông bà không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân của bà X và ông V đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cho nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà X.

**3]. Về con chung:** Trong quá trình chung sống ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 26/8/2005 và Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 15/12/2007.

Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi bà X và ông V ly thân cho đến nay thì cháu Nguyễn Thị Quỳnh N và Nguyễn Thị Quỳnh Nh chung sống với ông V, cuộc sống của các cháu đang ổn định và hiện nay các cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Theo biên bản ghi ý kiến cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, cháu Nguyễn Thị Quỳnh Nh cùng ngày 31-8-2018 thì sau khi bà X và ông V ly hôn các cháu có nguyện vọng được sống với cha là ông Nguyễn Minh V. Đồng thời theo tờ tường trình ngày 31/8/2018, ông V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, cháu Nh đến khi các cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu bà X cấp dưỡng nuôi con, bà X cũng đồng ý giao con chung cho ông V trực

tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và bà X không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu giao các con cho ông V của bà X là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật.

Do đó nhằm để ổn định cuộc sống cũng như tâm lý của cháu Như, cháu Nhi, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần tiếp tục giao cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Quỳnh N và Nguyễn Thị Quỳnh Nh đến 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà X không có cấp dưỡng nuôi con và ông V không yêu cầu bà X cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết bà X trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà X là người có đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng X được ly hôn ông Nguyễn Minh V.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 26/8/2005 và Nguyễn Thị Quỳnh Nh, sinh ngày 15/12/2007 cho ông Nguyễn Minh V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu N, cháu Nh đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị Hồng X không có cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Hồng X có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Nguyễn Thị Quỳnh N và Nguyễn Thị Quỳnh Nh, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết bà X và ông V trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng X phải chịu án phí dân sự số tiền 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Hồng

X đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004509 ngày 30/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND - TPST;
- TAND tỉnh ST;
- Thi hành án DS - TPST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Trúc Phương**

